

Bản tin chứng khoán

Trong số này

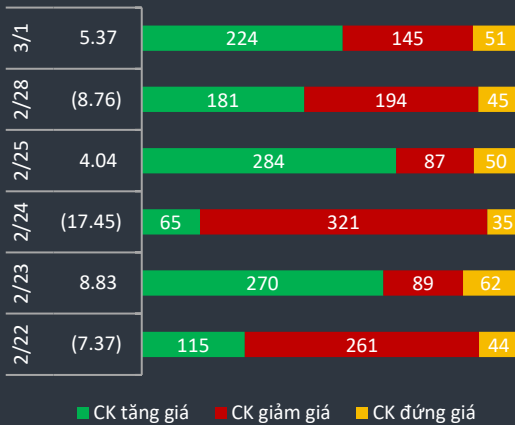
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

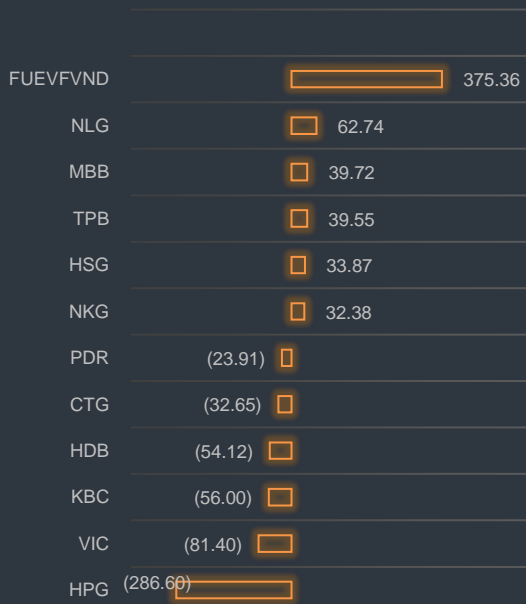
Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Thị trường duy trì mức xanh nhẹ trong phiên giao dịch hôm nay và có sự thay đổi giữa các dòng cổ phiếu. Căng thẳng chính trị Nga – Ucraina vẫn tác động tâm lý kéo dài và ảnh hưởng trực tiếp đến sự di chuyển giữa các nhóm ngành. Trong vài phiên gần đây các nhóm cổ phiếu thép, phân bón, dầu khí liên tục thay phiên tạo sóng mạnh bất chấp chỉ số index rung lắc. Đặc biệt cổ phiếu phân bón với các cổ phiếu đầu ngành DCM, DPM, LAS đã tăng trưởng về giá hơn 30% chỉ sau 1 tháng. Phiên hôm nay DPM đã đạt đỉnh giá lịch sử 60 trước khi có tín hiệu chốt lời mạnh và đảo chiều cuối phiên về 56.8. Nhiều mã phân bón khác như DCM, LAS, PSE, PCR cũng bị áp lực chốt lời đều giảm khá sâu.

Nhóm cổ phiếu thép hạ nhiệt hẳn sau khi làm cây trần ngày hôm trước. HPG, POM giảm nhẹ, NKG, HSG đóng cửa thấp hơn mức giá cao nhất trong ngày. Dù vậy nhìn chung nhóm cổ phiếu thép vẫn chưa tăng nhiều vì vậy xu hướng ngắn hạn vẫn khá tích cực. Tình cảnh tương tự cũng diễn ra ở nhóm dầu khí. Chỉ còn vài cổ phiếu giữ xanh trong khi hàng loạt mã lớn như GAS, PVB, OIL, PLX đều giảm nhẹ cuối phiên.

Bù lại thị trường được hỗ trợ từ nhóm cổ phiếu bất động sản với sự quay lại của nhóm trụ lớn như GVR (+4.5%) và VIC (+2.8%). Đây là phiên xanh điểm đầu tiên của VIC sau 3 phiên giảm liên tiếp. Giá của VIC cũng ở mức thấp nhất kể từ tháng 8 năm 2020. Nhiều mã bất động sản khởi động lại như CEO, DIG, HQC, HDC, LDG với mức tăng trên 6% và có mã dư mua trần. Gần như phiên giao dịch hôm nay là dành cho nhóm bất động sản và dòng tiền cũng chốt lời mạnh nhóm cổ phiếu khác để chuyển qua nhóm này.

Các nhóm ngành ngân hàng, chứng khoán không quá nổi bật hôm nay dù thanh khoản thị trường chung tăng khá tốt. VPB chỉ sau một phiên tăng đã đảo chiều mất điểm. Nhiều mã ngân hàng khác cũng kỳ vọng có thể tạo điểm nhấn hôm nay cũng gây thất vọng như STB, MBB, TCB. Hai cổ phiếu ngân hàng quốc doanh CTG, VCB chỉ nhỉnh hơn tham chiếu một chút, riêng BID tăng được gần 1%. Nhìn chung trong ngắn hạn nhóm ngân hàng sẽ còn tiếp tục đi ngang tích lũy thêm một thời gian.

Vnindex 1,498.78

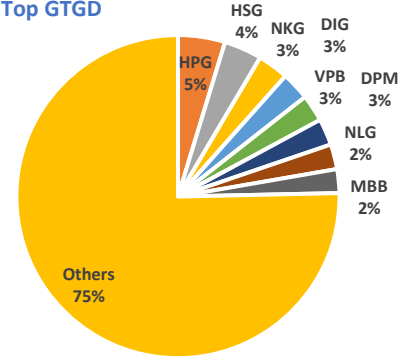
▲ +8.65 (+0.58%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
GVR	35.7	1,550	4.54
VIC	79.2	2,200	2.86
PNJ	105.0	2,000	1.94
TPB	42.8	550	1.30
BVH	59.8	700	1.18
VNM	79.2	800	1.02
BID	44.1	400	0.92
SSI	46.0	300	0.66
VHM	78.0	500	0.65
VCB	85.0	500	0.59
POW	17.5	100	0.58
VJC	140.9	800	0.57
CTG	33.3	150	0.45
MSN	156.5	500	0.32
VIB	47.0	100	0.21
HVN	25.4	50	0.20
NVL	75.4	100	0.13
FPT	93.4	100	0.11
MWG	136.0	-	-
VRE	33.5	-	-
ACB	33.9	(50)	(0.15)
TCB	50.3	(100)	(0.20)
GAS	117.7	(300)	(0.25)
DHG	112.1	(400)	(0.36)
PDR	84.5	(500)	(0.59)
STB	32.7	(200)	(0.61)
HPG	46.9	(300)	(0.64)
VPB	37.8	(250)	(0.66)
HDB	28.6	(250)	(0.87)
SAB	168.0	(1,800)	(1.06)
MBB	34.0	(400)	(1.16)
REE	74.7	(900)	(1.19)
PLX	61.3	(1,000)	(1.61)
BCM	76.9	(2,100)	(2.66)



Top GTGD



Chỉ số Vnindex đã gần như lấy lại điểm số từ phiên hôm trước và tiếp tục dao động quanh ngưỡng 1500. Tiền quay lại nhóm bất động sản đẩy thanh khoản gia tăng là điểm tích cực trong hiện tại. Dòng tiền đầu cơ ngắn hạn vẫn tiếp tục xoay chuyển giữa các nhóm ngành phân bón, dầu khí, bất động sản, dầu khí. Yếu tố chính trị bất ổn khiến thị trường không thể bức phá mạnh mà chỉ dao động trong biên độ hẹp và chỉ có một số dòng cổ phiếu nhất định mới có sóng ngắn hạn. Nhà đầu tư vẫn nên duy trì trạng thái tài khoản ở mức an toàn. Ưu tiên những nhóm ngành dự báo tăng trưởng lợi nhuận Q1 khả quan như thép, ngân hàng, phân đạm, dệt may, bất động sản KCN, dầu khí như: DGW, MWG, PET, VCI, FTS, CTS, VCI, DPM, DCM, TNG, TCM, GVR, SZC, OCB, VPB, TCB, MBB.

Cổ phiếu quan tâm

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
VPB	37.8	6.2	35	45	Mua mới quanh 37-38. Mục tiêu 45	2/25/2022	0.3%
TCM	70.4	5.1	60	100	Mua mới quanh 65-67. Mục tiêu 100	2/18/2022	5.1%
KBC	57.5	1.2	50	70	Mua mới quanh 54-56. Mục tiêu 70	2/10/2022	2.7%
HPG	46.9	1.1	40	60	Mua mới quanh 45	2/8/2022	4.2%
FTS	57.3	1.8	50	60	Mua mới quanh 50-53. Mục tiêu 70	2/7/2022	10.2%
TNG	34.1	5.9	24	40	Mua mới quanh 27-29. Mục tiêu 36	2/7/2022	17.6%
DPM	56.8	19.8	35	55	Mua mới quanh 40-42. Mục tiêu 50	2/7/2022	35.2%
VCI	63.5	4.1	50	75	Mua mới quanh 55-57. Mục tiêu 75	1/18/2022	9.5%
GVR	35.7	4.2	28	40	Mua mới quanh 30. Mục tiêu 45	1/20/2022	11.6%
REE	74.7	4.3	60	80	Mua mới quanh 62-64. Mục tiêu 80	1/20/2022	14.9%
NLG	56.5	4.6	24	35	Mua mới quanh 52, Cắt lỗ nếu dưới 50	1/20/2022	6.6%
OCB	26.5	(4.0)	24	35	Mua mới quanh 26. mục tiêu 34	1/13/2022	-1.5%
TCB	50.3	(2.1)	40	65	Mua mới quanh 50, mục tiêu 65	1/13/2022	0.6%
CTG	33.3	(3.8)	30	45	Mua mới quanh 33-35, Mục tiêu 45	1/13/2022	-4.9%
STK	55.8	(1.8)	50	70	Mua quanh 51-53. Mục tiêu 70	1/13/2022	5.3%
VIB	47.0	1.1	40	60	Mua quanh 45-47. Mục tiêu 60	1/4/2022	0.0%
MBB	34.0	(1.2)	25	35	Nằm giữ, mục tiêu 35	1/4/2022	17.2%
MWG	136.0	(1.2)	125	160	Mua quanh 130-135.	1/4/2022	0.7%

Tổng hợp kết quả kinh doanh 2021

	Số DN	Doanh thu 2020	Doanh thu 2021	%	Lợi nhuận 2020	Lợi nhuận 2021	%
Ngân hàng	26	278,567	347,222	24.6%	108,714	144,922	33.3%
Bất động sản	68	271,992	316,605	16.4%	49,219	54,326	10.4%
Sản xuất và KD Thép	26	239,810	365,704	52.5%	16,216	44,292	173.1%
Thực phẩm và đồ uống	70	306,480	332,060	8.3%	27,858	36,835	32.2%
Dầu khí	21	356,183	466,904	31.1%	7,258	20,104	177.0%
Dịch vụ tài chính	40	27,705	49,251	77.8%	6,935	18,146	161.7%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	69	87,120	96,633	10.9%	10,541	12,421	17.8%
Điện	40	122,826	110,322	-10.2%	12,113	11,965	-1.2%
Vận tải - Logistics	71	96,353	114,276	18.6%	6,115	10,663	74.4%
Bất động sản KCN	20	49,158	57,393	16.8%	9,717	9,982	2.7%
Xây dựng	107	163,622	172,977	5.7%	8,181	7,834	-4.2%
Bán lẻ	23	181,192	218,181	20.4%	4,598	7,610	65.5%
Phân bón	13	35,954	54,378	51.2%	30	5,755	19163.2%
Vật liệu xây dựng	41	54,972	61,527	11.9%	4,879	5,447	11.6%
Công nghệ Thông tin	19	40,575	46,168	13.8%	3,829	4,770	24.6%
Bảo hiểm	12	28,113	65,753	133.9%	3,746	4,724	26.1%
Hóa chất	24	48,335	69,236	43.2%	2,555	4,538	77.6%
Thủy sản	23	61,258	59,704	-2.5%	2,718	3,212	18.2%
Nước	46	21,813	22,068	1.2%	2,657	3,182	19.8%
Hàng cá nhân & Gia dụng	27	46,960	49,526	5.5%	2,817	3,006	6.7%
Dệt May	21	54,633	59,726	9.3%	1,886	2,980	58.0%
Y tế	34	52,586	46,379	-11.8%	2,675	2,786	4.1%
Khoáng sản	27	61,097	70,140	14.8%	1,116	2,106	88.7%
Tài nguyên Cơ bản	20	22,600	27,423	21.3%	264	1,432	441.5%
Cao su	11	4,515	5,661	25.4%	700	1,250	78.6%
Xây dựng và Vật liệu	54	31,919	29,112	-8.8%	144	1,168	711.6%
Ô tô và phụ tùng	11	41,225	39,233	-4.8%	1,011	1,026	1.6%
Truyền thông	27	7,744	7,983	3.1%	655	915	39.7%
Bao bì	17	20,917	28,091	34.3%	664	546	-17.8%
Viễn thông	5	34,144	33,946	-0.6%	1,937	436	-77.5%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	6	16,234	16,867	3.9%	(29)	230	-906.1%
Du lịch và Giải trí	28	17,337	14,552	-16.1%	22	(526)	-2494.6%
Tổng Cộng	1047	2,883,939	3,455,002	19.8%	301,739	428,084	41.9%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Tăng trưởng ngành trong ngày

Thủy sản	2.29
Bất động sản	1.91
Hàng & Dịch vụ...	1.51
Bảo hiểm	1.50
Truyền thông	1.44
Nước	1.37
Cao su	1.32
Sản xuất và KD Thép	1.23
Vật liệu xây dựng	1.13
Bao bì	1.11
Y tế	1.06
Hàng cá nhân & Gia...	1.05
Khoáng sản	0.92
Viễn thông	0.86
Xây dựng	0.76
Tài nguyên Cơ bản	0.73
Vận tải - Logistics	0.59
Bán lẻ	0.58
Dịch vụ tài chính	0.57
Hóa chất	0.55
Đệt May	0.38
Bất động sản KCN	0.25
Thực phẩm và đồ...	0.13
Du lịch và Giải trí	(0.12)
Ngân hàng	(0.16)
Điện	(0.16)
Ô tô và phụ tùng	(0.49)
Công nghệ Thông tin	(0.65)
Dầu khí	(1.26)
Phân bón(2.11)	

DHM - CTCP Thương mại và Khai thác khoáng sản Dương Hiếu – Đã thông qua định hướng kinh doanh 2022 - 2027 với doanh thu từ 2.000 đến 2.500 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 65 - 70 tỷ đồng.

IJC – CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật – Đã thông qua việc mua 1,7 triệu cổ phần tại CTCP Công nghệ và Truyền thông Việt Nam, với giá 10.000 đồng/cổ phần.

KDH - CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền – Đã thông qua việc góp thêm vốn gần 350 tỷ đồng vào Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh Địa ốc Gia Phước, qua đó, nâng vốn điều lệ của công ty con này lên gần 600 tỷ đồng, trong đó, KDH chiếm tỷ lệ sở hữu 99,9%.

HII - CTCP An Tiến Industries – Đã thông qua việc phát hành chào bán hơn 36,81 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1, với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Thời gian nhận đăng ký mua từ 21/3 đến 12/4/2022.

TGG - CTCP Louis Capital - Đã thông qua chủ trương thoái toàn bộ 3,58% vốn điều lệ, tương đương gần 1,8 tỷ đồng tại Du lịch Ao Giời – Suối Tiên. Giá trị chuyển nhượng chưa được công bố nhưng không thấp hơn giá trị đã góp vốn đầu tư.

KDH - CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền - Dự kiến góp thêm 349,65 tỷ đồng vào Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Gia Phước (Gia Phước) để nâng vốn điều lệ từ 250 tỷ đồng lên 599,4 tỷ đồng.

IBC - CTCP Đầu tư Apax Holdings - Năm 2022, Công ty đặt kế hoạch tổng doanh thu 2.100 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 80 tỷ đồng, lần lượt tăng 21% và giảm 16,4% so với thực hiện trong năm 2021.

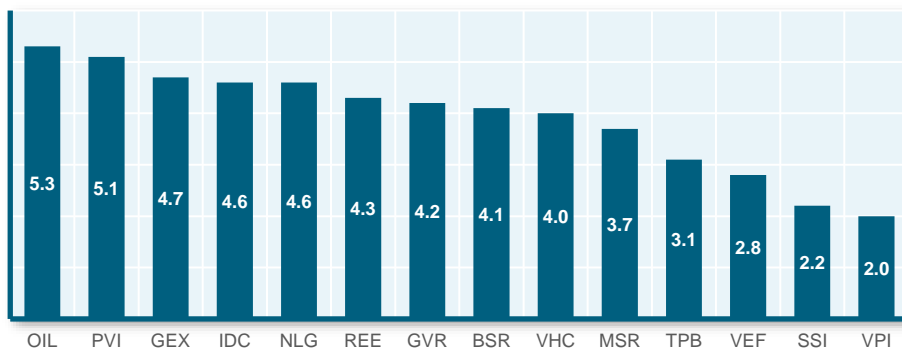
Công ty dự kiến chào bán cổ phiếu với tỷ lệ 1:1, cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ nhận quyền mua thêm 1 cổ phiếu mới với giá 10.000 đồng/cổ phiếu, tương ứng công ty dự kiến phát hành 83,15 triệu cổ phiếu để huy động 831,5 tỷ đồng. Nếu tăng vốn thành công, vốn điều lệ tăng lên 1.663 tỷ đồng.

NDN - CTCP Đầu tư phát triển nhà Đà Nẵng - Ngày 11/3 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 2 năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng là 14/3. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 20%, thanh toán bắt đầu từ ngày 04/4/2022.

KMT - CTCP Kim khí miền Trung - Ngày 02/3 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 03/3. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 6%, thanh toán bắt đầu từ ngày 23/3/2022.



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	HOSE	37.8	16,869,400	14.4	2.0	-	25,000	167,817	15.00	2,621	19,187
VIB	HOSE	47.0	1,554,800	11.4	3.0	3,900	14,200	72,998	20.99	4,127	15,640
VCB	HOSE	85.0	1,295,400	14.4	2.8	797,100	627,200	402,264	23.67	5,907	29,974
VBB	UPCOM	17.2	32,424	16.3	1.4	-	-	8,216	-	1,058	12,017
VAB	UPCOM	14.7	744,615	10.0	1.0	700	-	7,937	0.01	1,477	14,341
TPB	HOSE	42.8	11,884,800	14.0	2.6	1,073,600	147,200	67,699	29.90	3,054	16,430
TCB	HOSE	50.3	6,945,900	9.8	1.9	105,000	105,000	176,599	23.00	5,138	26,505
STB	HOSE	32.7	16,919,600	18.1	1.8	1,115,400	1,070,600	61,552	19.11	1,810	18,174
SSB	HOSE	36.9	2,363,400	20.9	2.9	2,800	1,000	54,556	0.02	1,763	12,623
SHB	HOSE	21.5	9,618,000	11.5	1.6	5,100	253,400	57,338	3.32	1,868	13,375
SGB	UPCOM	18.3	167,020	-	1.5	-	-	5,636	0.01	398	12,042
PGB	UPCOM	32.5	68,990	37.0	2.3	-	-	9,750	15.00	878	13,940
OCB	HOSE	26.5	2,650,000	8.2	1.7	13,800	-	36,302	22.00	3,216	15,917
NVB	HNX	30.2	43,262	-	2.9	-	-	12,285	8.33	3	10,397
NAB	UPCOM	20.4	213,040	-	-	1,000	-	13,391	(2.58)	-	-
MSB	HOSE	26.5	6,215,500	10.0	1.8	-	-	40,479	30.00	2,641	14,427
MBB	HOSE	34.0	16,319,400	10.1	2.1	1,140,500	8,300	128,463	24.00	3,361	16,538
LPB	HOSE	22.3	13,003,000	9.3	1.6	8,700	472,200	27,559	5.00	2,387	13,960
KLB	UPCOM	27.0	110,462	12.8	2.1	-	-	9,760	0.01	2,109	12,810
HDB	HOSE	28.6	6,802,600	9.5	1.9	92,900	1,991,700	57,449	16.76	3,016	15,339
EIB	HOSE	33.9	394,300	43.4	2.4	4,600	16,200	41,616	29.68	781	14,395
CTG	HOSE	33.3	7,737,300	11.4	1.7	271,100	1,251,800	160,031	25.99	2,932	19,488
BVB	UPCOM	20.4	2,309,148	30.1	1.6	135,000	-	7,489	0.12	678	12,638
BID	HOSE	44.1	2,395,600	21.1	2.6	98,500	22,400	223,081	16.86	2,090	17,073
BAB	HNX	22.1	59,927	22.9	1.8	-	-	16,644	-	964	12,018
ACB	HOSE	33.9	5,610,900	9.5	2.0	-	-	91,461	30.00	3,554	16,618
ABB	UPCOM	16.8	1,337,649	7.5	1.0	-	-	15,808	14.22	2,238	16,828
			133,666,437	15.99	2.00	4,869,700	6,006,200	1,974,181		2,310	15,873



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	DAE	HNX	18/03/2022	21/03/2022	29/04/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	PDN	HOSE	17/03/2022	18/03/2022	6/4/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	ADC	HNX	14/03/2022	15/03/2022	25/04/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	GTN	HOSE	8/3/2022	9/3/2022		Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 16:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
5	HDA	HNX	7/3/2022	8/3/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
6	HEV	HNX	7/3/2022	8/3/2022	31/03/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	PNJ	HOSE	7/3/2022	8/3/2022	7/4/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	SGD	HNX	4/3/2022	7/3/2022	21/03/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	SAB	HOSE	2/3/2022	3/3/2022	23/03/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	KMT	HNX	2/3/2022	3/3/2022	23/03/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	DAD	HNX	2/3/2022	3/3/2022	28/03/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	IDV	HNX	2/3/2022	3/3/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:20	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
13	SVD	HOSE	1/3/2022	2/3/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
14	VGT	UPCoM	28/02/2022	1/3/2022	31/03/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	BDB	HNX	28/02/2022	1/3/2022	15/04/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	VIX	HOSE	24/02/2022	25/02/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 15,000 đồng/CP	Phát hành thêm
17	KKC	HNX	23/02/2022	24/02/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100000:10819	Thưởng cổ phiếu
18	NDP	UPCoM	23/02/2022	24/02/2022	21/04/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	TDB	UPCoM	23/02/2022	24/02/2022	17/03/2022	Trả cổ tức đợt 3/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	HEM	UPCoM	22/02/2022	23/02/2022	28/03/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	CCI	HOSE	22/02/2022	23/02/2022	31/03/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	DNC	HNX	21/02/2022	22/02/2022	28/03/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	DTV	UPCoM	21/02/2022	22/02/2022	4/3/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	USD	UPCoM	21/02/2022	22/02/2022	7/3/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 880 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	SMB	HOSE	18/02/2022	21/02/2022	2/3/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	EID	HNX	11/2/2022	14/02/2022	10/3/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	CMG	HOSE	10/2/2022	11/2/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:9	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
28	BHN	HOSE	10/2/2022	11/2/2022	9/3/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,380 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931